

CHƯƠNG TRÌNH

Thực hiện Chuyển đổi số trên địa bàn huyện Xuân Lộc đến năm 2025, định hướng đến năm 2030

Thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025; Quyết định số 5003/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai về Phê duyệt Chương trình chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 của tỉnh Đồng Nai.

UBND huyện Xuân Lộc xây dựng chương trình thực hiện chuyển đổi số trên địa bàn huyện Xuân Lộc đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, cụ thể như sau:

Phần I

THỰC TRẠNG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN GIAI ĐOẠN 2015-2020

1. Hạ tầng kỹ thuật

- Hiện nay cơ sở hạ tầng tại 13 phòng ban trực thuộc UBND huyện: Tổng số máy tính 156/156 cán bộ công chức, đạt 100%, trong đó: 15 máy tính xách tay, 139 máy trạm; 01 Modem Draytech (dùng kết nối mạng); 27 Switch, 05 Router (dùng chia sẻ mạng). Tổng số máy kết nối đường truyền số liệu chuyên dùng của tỉnh 154 máy với tốc độ truy cập 30mb; các cơ quan chuyên môn đã thực hiện cài đặt phần mềm diệt Virus bản quyền; 5 đơn vị sự nghiệp: Tổng số máy tính/ tổng cán bộ viên chức 51/51, đạt 100%. Có 14 modem wifi, router Wifi. Tổng số máy kết nối đường truyền VNPT 75 máy; 15 xã, thị trấn tổng số máy tính 346/346 cán bộ công chức, đạt 100%. Có 82 modem wifi, router Wifi; 50 swich.

- 100% cơ quan, đơn vị, xã, thị trấn có mạng cục bộ (LAN), kết nối Internet tốc độ cao, kết nối WAN, đảm bảo việc chia sẻ dữ liệu và khai thác sử dụng các hệ thống thông tin dùng chung của huyện và các hệ thống nội bộ.

- Sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng được kết nối đến 13/13 phòng chuyên môn huyện; 100% các cơ quan kết nối mạng nội bộ, góp phần hình thành hệ thống mạng riêng từ huyện đến xã, thị trấn đảm bảo an toàn thông tin, tạo cơ sở hạ tầng triển khai các ứng dụng từ huyện đến xã, thị trấn và kết nối liên thông đến các ngành, các cấp. Đồng thời, UBND huyện triển khai hệ thống họp trực tuyến với 16 điểm cầu;

- Ngoài ra, một số đơn vị cũng đã được ngành dọc cấp trên triển khai các ứng dụng CNTT dùng chung phục vụ công tác chuyên môn như: tài chính, thuế, tài nguyên môi trường...

2. Hệ thống nền tảng

Hiện nay, việc điều hành, xử lý công việc, gửi nhận văn bản điện tử được thực hiện trên hệ thống quản lý văn bản I-Office plus. Sử dụng phần mềm một cửa <http://egov-xuanloc.dongnai.gov.vn/> thực hiện tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính cho người dân và doanh nghiệp theo quy định.

Ngoài ra các cơ quan chuyên môn sử dụng các hệ thống dùng chung do các sở, ngành của tỉnh triển khai như: phần mềm quản lý CBCC, phần mềm quản lý giải quyết khiếu nại tố cáo, tư pháp – hộ tịch, quản lý tài chính...

3. Phát triển dữ liệu

UBND huyện đang từng bước triển khai xây dựng hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu kinh tế - xã hội dùng chung phục vụ cho hoạt động quản lý, điều hành của lãnh đạo UBND huyện.

- Xây dựng và hoàn thiện các biểu mẫu báo cáo kinh tế - xã hội của huyện trên hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Đồng Nai.

- Các phòng chuyên môn thực hiện việc khai thác, lưu trữ trên các hệ thống dữ liệu của sở, ngành triển khai: Tư pháp, Thanh tra, Nội vụ, Tài nguyên - Môi trường, Thông tin và Truyền thông, VHTTDL...

4. Ứng dụng, dịch vụ CNTT phục vụ hoạt động nội bộ các cơ quan nhà nước

- Triển khai phần mềm quản lý văn bản và điều hành công việc I-Office plus đến các cơ quan, đơn vị và 15 xã, thị trấn trên địa bàn huyện.

- Hiện nay, đã cấp 99 chứng thư số (Chứng thư số tổ chức: 31; Chứng thư số cá nhân: 68), các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn từng bước ứng dụng chữ ký số trên văn bản điện tử.

- Cấp 666 tài khoản (13 phòng 156/156 tài khoản, đơn vị sự nghiệp 51/51, 15 xã, thị trấn là 459/459 tài khoản); cấp 1024 hộp thư điện tử công vụ cho cán bộ công chức của cơ quan nhà nước trên địa bàn huyện. Tỷ lệ khai thác, sử dụng thư điện tử công vụ và tài khoản sử dụng phần mềm quản lý văn bản của các cán bộ công chức, cơ quan nhà nước phục vụ công tác đạt tỷ lệ trên 97%.

5. Ứng dụng, dịch vụ CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp

- Cung cấp dịch vụ công thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị, xã, thị trấn trên địa bàn huyện là 456 dịch vụ công. Trong đó tổng số thủ tục đã được cung cấp trực tuyến ở mức độ 3 là 62, ở mức độ 4 là 45 được cung cấp tại địa chỉ: congdoc.dongnai.gov.vn.

- Hoàn thành triển khai cập nhật phiên bản nâng cấp phần mềm Một cửa điện tử eGov cho các cơ quan, đơn vị; 15 xã, thị trấn.

- Phối hợp với Viettel Đồng Nai trong quản lý hệ thống camera tại bộ phận một cửa huyện và xã, thị trấn đảm bảo thông suốt liên tục phục vụ kiểm tra giám sát thực hiện nhiệm vụ của CBCC.

6. An toàn an ninh thông tin

- Ban hành Quyết định đảm bảo an toàn thông tin trên địa bàn huyện, triển khai các quy định về đảm bảo an toàn, an ninh thông tin của Chính phủ, hướng dẫn của Sở thông tin và Truyền thông đến các cơ quan, đơn vị trên địa bàn. Đồng thời, quán triệt đến tất cả các cơ quan, đơn vị, CBCC về công tác đảm bảo an toàn thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước không làm lộ lọt bí mật nhà nước.

- Thực hiện rà soát, cài đặt, cấu hình và triển khai các giải pháp đảm bảo an toàn, an ninh thông tin các hệ thống CNTT của huyện; thường xuyên thông báo, hướng dẫn các vấn đề về an toàn thông tin, các lỗ hổng bảo mật... đến các cơ quan, đơn vị theo hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông.

- Đăng ký đề xuất danh mục thực hiện cấp độ an toàn hệ thống thông tin mức độ 2.

- Công an huyện (Thường trực Ban Chỉ đạo Bảo vệ bí mật nhà nước) hướng dẫn, kiểm tra việc sử dụng máy tính, cách thức lưu trữ dữ liệu trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị để đảm bảo không lộ lọt bí mật của cơ quan nhà nước.

7. Một số tồn tại, hạn chế

- Hạ tầng phục vụ ứng dụng công nghệ thông tin còn thiếu; chưa có hệ thống máy chủ và hệ thống lưu trữ dữ liệu; hệ thống mạng LAN các cơ quan, đơn vị tự đầu tư xây dựng từ lâu không theo tiêu chuẩn, không đồng bộ.

- Với môi trường ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng Internet đòi hỏi nguồn nhân lực tại các cơ quan, đơn vị phải thông thạo kỹ năng tin học, sử dụng các phần mềm, trang thiết bị phục vụ cho ứng dụng. Thực tế cho thấy một bộ phận công chức, viên chức chưa đáp ứng được yêu cầu về trình độ trong ứng dụng CNTT thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn.

Phần II

MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHUYỂN ĐỔI SỐ ĐẾN NĂM 2025 VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Đến năm 2025, huyện Xuân Lộc trở thành đô thị thông minh với những đổi mới căn bản, toàn diện về hoạt động quản lý điều hành của bộ máy chính quyền hoạt động hiệu quả, hiệu lực hơn, minh bạch hơn; là một trong những mức tăng trưởng quan trọng của tỉnh về phát triển kinh tế dựa trên khoa học công nghệ và nguồn lực chất lượng cao tạo ra giá trị mới, giúp tăng năng suất lao động, tạo động lực tăng trưởng mới; người dân bình đẳng về cơ hội tiếp cận dịch vụ, đào tạo, tri thức, thu hẹp khoảng cách phát triển. Các ngành, các lĩnh vực được tối ưu, thông minh hóa hướng đến nâng cao trải nghiệm và chất lượng sống của người dân.

Đến năm 2030, chuyển đổi số đồng bộ, toàn diện trên phạm vi toàn huyện, phấn đấu đưa huyện Xuân Lộc có vị trí xếp hạng chuyển đổi số ở các đơn vị đầu trong tỉnh Đồng Nai; hình thành và phát triển môi trường số an toàn, tiện ích phục

vụ tối đa nhu cầu sản xuất, kinh doanh cũng như sinh hoạt cộng đồng của người dân.

- Xây dựng hoàn thiện chính quyền điện tử nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước trên địa bàn huyện, phục vụ người dân và doanh nghiệp ngày càng tốt hơn; phát triển nền kinh tế số và xã hội số; bảo đảm an toàn thông tin và an ninh mạng.

- Phát triển chính quyền số, kinh tế số, chuyển đổi số trong các ngành, phát triển nhanh và bền vững trên cơ sở nghiên cứu và ứng dụng mạnh mẽ khoa học - công nghệ và công nghệ thông tin, đổi mới sáng tạo và tăng năng suất lao động, tận dụng hiệu quả các cơ hội của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Khuyến khích, hỗ trợ để hình thành các doanh nghiệp có quy mô lớn, tiềm lực mạnh, có khả năng cạnh tranh cao.

- Hướng tới cung cấp dịch vụ công trực tuyến thuận tiện cho người dân và doanh nghiệp, tăng cường sự tham gia của người dân trong các hoạt động cơ quan nhà nước; tăng cường hiệu quả hoạt động và đổi mới trong các cơ quan nhà nước; phát triển dữ liệu mở của cơ quan nhà nước để tạo điều kiện phát triển kinh tế xã hội.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Mục tiêu cơ bản đến năm 2025

- Rà soát cung cấp dịch vụ công trực tuyến tối thiểu mức độ 3 đối với các thủ tục hành chính thiết yếu với nhu cầu của người dân được đăng tải trên trang thông tin điện tử huyện. Duy trì hoạt động thường xuyên trang thông tin điện tử huyện đảm bảo tích hợp, kết nối cổng thông tin của UBND tỉnh, các sở, ngành của tỉnh, cung cấp địa chỉ cổng dịch vụ công quốc gia nhằm cung cấp dịch vụ công trực tuyến để phục vụ người dân và doanh nghiệp; Tỷ lệ hồ sơ giải quyết theo dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 trên tổng số hồ sơ đạt trên 60%; trên 90% người dân và doanh nghiệp hài lòng về giải quyết TTHC.

- Khai thác các hệ thống thông tin dữ liệu về dân cư, quy hoạch đất đai, phát triển kinh tế, cơ sở hạ tầng... nhằm cung cấp phục vụ cho người dân và doanh nghiệp khi có nhu cầu.

- Thực hiện các giải pháp đảm bảo an toàn, an ninh thông tin cho hệ thống mạng nội bộ, công tác gửi nhận văn bản điện tử trên mạng, ứng dụng chữ ký số; thường xuyên thông báo, hướng dẫn các vấn đề về an toàn thông tin, các lỗ hổng bảo mật... đến các cơ quan, đơn vị.

- Thực hiện số hóa toàn bộ kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực, thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn huyện đảm bảo việc kết nối, chia sẻ dữ liệu trong giải quyết TTHC trên môi trường điện tử theo Nghị định số 45/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

- 100% lãnh đạo các cơ quan, đơn vị, UBND xã, thị trấn được cấp và sử dụng chữ ký số để giao dịch điện tử.

- 95% hồ sơ công việc tại các phòng, ban, đơn vị và UBND xã, thị trấn

được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước) thông qua việc ứng dụng chữ ký số để đảm bảo an toàn, an ninh thông tin và tính xác thực.

- 100% các hệ thống thông tin của các phòng, ban, UBND xã, thị trấn có liên quan đến người dân, doanh nghiệp đã đưa vào vận hành, khai thác được kết nối, liên thông.

- 100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện được thực hiện trên hệ thống thông tin báo cáo Đồng Nai.

- Tiếp tục triển khai hệ thống hợp trực tuyến từ huyện đến các xã, thị trấn và thực hiện kết nối với các cuộc họp trực tuyến từ Trung ương, tỉnh đến huyện, xã, thị trấn

- Tỷ lệ áp/khu phủ đảm bảo hạ tầng cáp quang cung cấp cho hộ gia đình đạt 100%; được phủ sóng 3G-5G đạt 100%.

- Thực hiện ngầm hóa hệ thống cáp viễn thông tạo mỹ quan, an toàn đô thị tại địa bàn trung tâm huyện và các xã, thị trấn theo Quyết định 151/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đồng Nai về Phê duyệt Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2015 - 2020, định hướng đến năm 2025.

2.2. Mục tiêu cơ bản đến năm 2030

- 100% giao dịch trên cổng dịch vụ công trực tuyến và Hệ thống thông tin một cửa điện tử của huyện được xác thực điện tử và thanh toán trực tuyến; Tỷ lệ hồ sơ giải quyết theo dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 trên tổng số hồ sơ đạt trên 80%; trên 90% người dân và doanh nghiệp hài lòng về giải quyết TTHC.

- 100 % hồ sơ công việc tại các phòng, ban, đơn vị và UBND xã, thị trấn được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

- Phổ cập dịch vụ mạng Internet băng rộng cáp quang.

- Phổ cập dịch vụ mạng di động 5G.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP VÀ ƯU TIÊN CHUYỂN ĐỔI SỐ

1. Phát triển nền tảng chuyển đổi số

1.1. Chuyển đổi nhận thức

- Tổ chức phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, nâng cao nhận thức của các cấp ủy Đảng, chính quyền, người dân và doanh nghiệp về sự cần thiết và tính cấp thiết của chuyển đổi số. Gắn các mục tiêu, nhiệm vụ về chuyển đổi số với nghị quyết, chiến lược, chương trình hành động, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

- Người đứng đầu chịu trách nhiệm trực tiếp về chuyển đổi số trong cơ quan, tổ chức, lĩnh vực, địa bàn mình phụ trách. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp cam kết đổi mới, ứng dụng công nghệ mới vì mục tiêu phát triển bền vững, liên kết các thành phần khác nhau theo mô hình kinh tế tuần hoàn; thúc

đẩy phát triển công nghiệp sáng tạo trong lĩnh vực, địa phương phụ trách.

- Xây dựng, lồng ghép các chuyên mục tuyên truyền, phổ biến trên các phương tiện thông tin đại chúng và qua nhiều kênh chia sẻ về các chương trình chuyển đổi số. Chia sẻ, phổ biến câu chuyện thành công, tôn vinh gương thành công điển hình về chuyển đổi số để nhân rộng các điển hình. Cụ thể như sau:

+ Xây dựng chuyên mục về chuyển đổi số và được phát sóng hàng tuần trên hệ thống truyền thanh huyện và xã, thị trấn;

+ Thực hiện các chuyên mục về chuyển đổi số, thường xuyên có các bài đăng về nội dung liên quan về chuyển đổi số trên Trang thông tin điện tử huyện.

- Tổ chức các lớp tập huấn nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn về chuyển đổi số nhằm trao đổi kinh nghiệm, giải đáp thắc mắc về chuyển đổi số.

- Tổ chức hội nghị về chuyển đổi số cho các đối tượng như người dân, doanh nghiệp, các tổ chức và các đối tượng liên quan; Hỗ trợ về pháp lý và hướng dẫn để các doanh nghiệp áp dụng thực hiện về chuyển đổi số tạo ra sự đột phá với trụ cột về kinh tế số; Tăng cường sự tham gia của người dân và doanh nghiệp cùng tham gia góp ý, giám sát và sử dụng các dịch vụ, tiện ích do chuyển đổi số mang lại.

- Lựa chọn một đơn vị cấp xã để triển khai thử nghiệm công tác truyền thông, phổ biến các kỹ năng số cơ bản cho người dân, bao gồm các kỹ năng cơ bản như truy cập và sử dụng Internet, thư điện tử, mua bán trực tuyến, thanh toán điện tử, dịch vụ công trực tuyến và bảo đảm an toàn thông tin cá nhân.

1.2. Đề xuất hoàn thiện các quy định

- Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trong các lĩnh vực chuyên ngành để đáp ứng yêu cầu điều chỉnh các mối quan hệ mới phát sinh trong tiến trình chuyển đổi số, khuyến khích đổi mới, sáng tạo.

- Rà soát, nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật về công nghệ thông tin và truyền thông để bảo đảm đầu tư của Nhà nước và huy động nguồn lực từ doanh nghiệp, xã hội để chuyển đổi số theo hướng khuyến khích mọi tổ chức, cá nhân đầu tư, tài trợ cho chuyển đổi số.

- Nghiên cứu, đề xuất các cơ chế thúc đẩy, khuyến khích người dân, doanh nghiệp khai thác, sử dụng, cung cấp các dịch vụ số trên địa bàn huyện.

1.3. Phát triển hạ tầng số

- Đầu tư Trung tâm tích hợp dữ liệu huyện, kết nối đồng bộ với Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh để phục vụ các hệ thống thông tin của huyện đảm bảo tin cậy, ổn định, dựa trên công nghệ điện toán đám mây. Trung tâm tích hợp dữ liệu triển khai và sử dụng các nền tảng ảo hóa, và công nghệ điện toán đám mây, phấn đấu đến năm 2025 đảm bảo đáp ứng các yêu cầu dịch vụ cho triển khai Chính quyền điện tử, chính quyền số và chuyển đổi số.

- Tăng cường sử dụng mạng Truyền số liệu chuyên dùng của huyện một cách thống nhất, đồng bộ, tin cậy phục vụ cho chuyển đổi số và triển khai Chính

quyền số qua các hệ thống và ứng dụng.

- Khuyến khích các doanh nghiệp thí điểm và nhân rộng việc xây dựng, phát triển mạng 5G và các dịch vụ, ứng dụng cho người dân và doanh nghiệp cũng như phục vụ việc cung cấp các dịch vụ hành chính công của các cơ quan nhà nước.

- Phát triển hạ tầng kết nối mạng Internet; xây dựng lộ trình và triển khai tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số vào các hạ tầng thiết yếu như giao thông, năng lượng, điện, nước, đô thị để chuyển đổi thành một bộ phận cấu thành quan trọng của hạ tầng số. Các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng thiết yếu, hạ tầng giao thông, đô thị, xây dựng phải có nội dung nghiên cứu, phân tích để xem xét, bổ sung hạng mục ứng dụng, kết nối mạng, tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số. Các nội dung phát triển hạ tầng phải bảo đảm hiệu quả, phát triển các hạ tầng dùng chung, tránh đầu tư trùng lặp.

1.4. Ứng dụng và phát triển nền tảng số

- Triển khai hệ thống định danh điện tử của tỉnh bảo đảm thiết thực, hiệu quả để phục vụ giao dịch điện tử giữa người dân với cơ quan nhà nước và các giao dịch điện tử dân sự khác một cách dễ dàng, đơn giản, tiện lợi.

- Kết nối và chia sẻ dữ liệu số giữa Kho quản lý dữ liệu điện tử tỉnh với các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin khác nhằm đảm bảo thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử theo Nghị định số 45/2020/NĐ-CP, đảm bảo các quy định và yêu cầu về công tác văn thư, lưu trữ theo Luật Lưu trữ và Nghị định số 30/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

- Phối hợp triển khai hệ thống thanh toán điện tử cho phép doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ thanh toán điện tử không thông qua tài khoản ngân hàng (Mobile Money) đối với người dân để phổ cập, cung cấp khả năng tiếp cận dịch vụ thanh toán điện tử một cách rộng rãi tới tất cả người dân.

- Xây dựng danh sách các nền tảng số có khả năng triển khai dùng chung rộng khắp trong một số lĩnh vực như thương mại điện tử, nông nghiệp, du lịch, y tế, giáo dục, giao thông, xây dựng, tài nguyên và môi trường, học trực tuyến, nội dung số, dịch vụ kế toán, tài chính doanh nghiệp, đô thị, ngân hàng số.

1.5. Bảo đảm an toàn, an ninh mạng

- Xây dựng và triển khai hệ thống xác định, phát hiện thông tin vi phạm pháp luật trên không gian mạng và kịp thời xử lý. Phối hợp với các tổ chức, doanh nghiệp cung cấp hạ tầng và nền tảng số trong công tác bảo đảm an toàn thông tin; phát triển hệ thống nền tảng, hạ tầng, mạng lưới gắn với bảo đảm an toàn, an ninh mạng.

- Xây dựng trên Trung tâm điều hành thông minh hệ thống giám sát, cảnh báo sớm nguy cơ, điều phối ứng cứu sự cố mất an toàn, an ninh mạng cho các cơ quan, tổ chức; chuẩn hóa các thiết bị đảm bảo an toàn bảo mật, an ninh thông tin cho các cơ quan, đơn vị, xã, thị trấn; đảm bảo ứng dụng chữ ký số trong các giao dịch điện tử trên môi trường mạng (trong cả nội bộ và bên ngoài) của các cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn huyện.

- Triển khai các chương trình nâng cao nhận thức về an toàn, an ninh thông tin và tính riêng tư đến các cán bộ, công chức, viên chức và nhân viên trong cơ quan nhà nước trên địa bàn huyện.

2. Phát triển chính quyền số

- Phát triển hạ tầng chính quyền số phục vụ cơ quan nhà nước trên cơ sở kết hợp thế mạnh của mạng truyền số liệu chuyên dùng, mạng Internet, xây dựng trung tâm dữ liệu huyện để phục vụ kết nối liên thông, xuyên suốt, ưu tiên các sản phẩm, công nghệ bảo đảm an toàn thông tin mạng.

- Chuyển đổi hạ tầng công nghệ thông tin thành hạ tầng số ứng dụng công nghệ điện toán đám mây phục vụ kết nối, quản lý các nguồn lực, dữ liệu của cơ quan trên địa bàn một cách an toàn, linh hoạt, ổn định và hiệu quả.

- Đẩy mạnh triển khai các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án số hóa, chuyển đổi số mọi quy trình nghiệp vụ của cơ quan nhà nước. Đẩy nhanh tiến độ triển khai các cơ sở dữ liệu của tỉnh, quốc gia trên địa bàn huyện, cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước đối với các ngành, lĩnh vực và hỗ trợ doanh nghiệp phát triển. Từng bước hình thành các hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung của huyện, chia sẻ, kết nối với hệ thống của tỉnh.

- Hoàn thiện Hệ thống thông tin báo cáo của huyện trên hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh, bảo đảm tích hợp, chia sẻ dữ liệu số phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của huyện và của tỉnh.

- Rà soát, đề xuất đưa các dịch vụ công trực tuyến lên mức độ 3, mức độ 4. Thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ.

- Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ trên môi trường mạng, biểu mẫu, chế độ báo cáo; thực hiện số hóa hồ sơ, lưu trữ hồ sơ công việc điện tử của các cơ quan nhà nước theo quy định.

- Triển khai hiệu quả Trung tâm điều hành thông minh, gắn liền phát triển dịch vụ đô thị thông minh với hệ thống chính quyền điện tử.

- Xây dựng chương trình nâng cao nhận thức, đào tạo kỹ năng về chuyển đổi số, phát triển Chính quyền số cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan nhà nước trên địa bàn huyện.

3. Phát triển kinh tế số

3.1. Phổ biến kiến thức về chuyển đổi sang kinh tế số

Xây dựng kế hoạch phổ biến kiến thức chung về xây dựng lộ trình và thực hiện chuyển đổi số sang kinh tế số; tổ chức các chương trình phổ biến kiến thức về các công nghệ số, các loại mô hình kinh tế số đổi mới sáng tạo, chia sẻ kinh nghiệm của những doanh nghiệp trong từng lĩnh vực đang thành công nhờ các mô hình kinh doanh sáng tạo với công nghệ số.

3.2. Thúc đẩy chuyển đổi số tại các doanh nghiệp

- Xây dựng và triển khai các hoạt động hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp ngành nghề truyền thống, doanh nghiệp sản xuất chuyển đổi sang sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ trên các nền tảng số.

- Tổ chức lớp bồi dưỡng chuyển đổi số cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa để giúp họ tự đánh giá lại phương pháp sản xuất kinh doanh, đánh giá lại chuỗi giá trị, mô hình kết nối với khách hàng để tự chuyển đổi phương pháp sản xuất kinh doanh của mình theo phương thức mới. Trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm với các doanh nghiệp phát triển, thành công trong chuyển đổi số để tăng khả năng chia sẻ, học hỏi kinh nghiệm cho các doanh nghiệp trên địa bàn.

- Thúc đẩy chuyển đổi số tại các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp, thay đổi quy trình sản xuất, tăng cường áp dụng các giải pháp công nghệ hiện đại sáng tạo ra các mô hình sản xuất mới hiệu quả hơn và từng bước chuyển dịch sang phương thức sản xuất mới.

3.3. Triển khai thành công Chính quyền số làm điểm tựa cho phát triển kinh tế số

Từng bước xây dựng thành công chính quyền số trên địa bàn huyện với mục tiêu hỗ trợ và thúc đẩy phát triển nền kinh tế số cho các doanh nghiệp trên địa bàn với các nội dung sau:

- Trung tâm dữ liệu, CSDL dùng chung, các CSDL chuyên dụng và mở cung cấp dữ liệu cho doanh nghiệp, để các doanh nghiệp tiếp cận các dự án, thông tin, nguồn vốn, chương trình hợp tác phát triển...

- Các thủ tục hành chính minh bạch, nhanh chóng ... hỗ trợ doanh nghiệp giảm thủ tục, thời gian, quy trình thực hiện.

- Sử dụng các kết quả phân tích dữ liệu lớn về tình hình và xu thế thị trường, giúp các doanh nghiệp định hướng, xây dựng chiến lược và kế hoạch phù hợp.

- Định hướng cho các doanh nghiệp theo một chiến lược phát triển nền kinh tế số thống nhất.

4. Phát triển xã hội số

- Có chính sách hỗ trợ, phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông triển khai xây dựng, cung cấp dịch vụ, phủ đầu hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ trên 90% hộ gia đình, 100% xã, thị trấn vào năm 2025.

- Tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức và kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong quá trình tham gia thực hiện thủ tục hành chính của người dân với chính quyền.

- Mở rộng các kênh kết nối phục vụ thực hiện thủ tục hành chính của người dân dựa trên nền tảng các mạng xã hội sẵn có; cải tiến giao diện phù hợp với việc truy cập thông tin trên thiết bị di động... nhằm tạo điều kiện thuận lợi, thân thiện và thu hút được người dân tham gia vào giao dịch trên môi trường số.

- Triển khai các chương trình đào tạo, đào tạo lại kỹ năng lãnh đạo, quản lý chuyển đổi số cho người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, Giám đốc điều hành các

doanh nghiệp.

- Đánh giá tác động của các công nghệ số đến xã hội số để có các giải pháp chủ động giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực của công nghệ số; ban hành các quy tắc ứng xử trên môi trường số cho doanh nghiệp và người dân.

5. Chuyển đổi số trong các lĩnh vực ưu tiên

5.1. Xây dựng phát triển đô thị thông minh

Triển khai, xây dựng vận hành Trung tâm điều hành thông minh từng bước tập trung toàn bộ dữ liệu trên các lĩnh vực, giúp lãnh đạo huyện nhanh chóng phân tích, đánh giá và đưa ra quyết định chỉ đạo, điều hành kịp thời; nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước trên địa bàn; đồng thời tạo được những lợi ích thiết thực nhất trong phục vụ người dân, doanh nghiệp; giúp tăng tính tương tác giữa người dân với chính quyền, góp phần cải thiện mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với hoạt động của chính quyền.

- Thống kê các số liệu, chỉ tiêu về tình hình kinh tế-xã hội, công tác cải cách hành chính; thực hiện giám sát trực quan trên bản đồ số; giám sát về tình hình an ninh trật tự, phản ánh bất cập đô thị, hệ thống thực hiện camera trí tuệ nhân tạo giám sát đô thị trực tiếp; thực hiện giám sát, điều hành về nhiều lĩnh vực khác như du lịch, y tế, tài nguyên, môi trường... nhằm xây dựng Chính quyền điện tử và đô thị thông minh.

5.2. Chuyển đổi số trong Y tế

- Sử dụng hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, các tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức kinh tế - xã hội của ngành y tế xây dựng và hoàn thiện đồng thời bổ sung các tiêu chuẩn, quy chuẩn cần thiết và phù hợp với đặc thù của ngành y tế tỉnh để triển khai chuyển đổi số trong lĩnh vực y tế.

- Nâng cấp hạ tầng kỹ thuật và hệ thống thông tin của các cơ sở y tế để hoạt động trên môi trường số hiệu quả.

- Xây dựng và triển khai hồ sơ sức khỏe điện tử, phấn đấu đến năm 2025 bảo đảm 100% người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử. Phát triển các ứng dụng cung cấp tri thức phòng bệnh, khám bệnh, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe người dân.

- Phát triển nền tảng hỗ trợ khám, chữa bệnh từ xa để hỗ trợ người dân được khám, chữa bệnh từ xa, giúp giảm tải các cơ sở y tế, hạn chế tiếp xúc đông người, giảm nguy cơ lây nhiễm chéo; thúc đẩy chuyển đổi số ngành y tế.

- Xây dựng và từng bước hình thành hệ thống chăm sóc sức khỏe và phòng bệnh dựa trên các công nghệ số; ứng dụng công nghệ số toàn diện tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh góp phần cải cách hành chính, giảm tải bệnh viện, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, sử dụng hồ sơ bệnh án điện tử tiến tới không sử dụng bệnh án giấy, thanh toán viện phí, hình thành các bệnh viện thông minh; xây dựng nền tảng quản trị y tế thông minh dựa trên công nghệ số, tích hợp thông tin, dữ liệu, hình thành cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế.

5.3. Chuyển đổi số trong Giáo dục

- Thống nhất nhận thức trong đội ngũ giáo viên, học sinh và nâng cao nhận

thức về chuyển đổi số trong giáo dục tới tất cả công dân trên địa bàn huyện.

- Xây dựng hạ tầng CNTT cho giáo dục theo hướng hiện đại, thiết thực và hiệu quả. Mục tiêu đến năm 2025 là 100% trường học được kết nối đường truyền băng thông rộng; 100% học sinh các cấp được tiếp cận Internet và kho học liệu trực tuyến; triển khai công thư viện số (giáo trình, bài giảng, học liệu số) và hệ thống học trực tuyến.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số và các nền tảng số để đổi mới nội dung, phương pháp dạy và học (bài giảng điện tử, học liệu số đa phương tiện), kết hợp học trên lớp và học trực tuyến, kiểm tra và đánh giá kết quả dạy và học với các nền tảng giáo dục mới.

- Nâng cao năng lực ứng dụng CNTT cho giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục qua các lớp tập huấn thường xuyên và học tập từ các mô hình thí điểm thành công.

- Triển khai hệ thống thông tin quản lý giáo dục, bao gồm: hệ thống học bạ điện tử, thẻ học sinh thông minh,... kết nối, liên thông với hệ thống thông tin của các trường trên địa bàn và sử dụng công cụ phân tích dữ liệu để quản lý hoạt động giáo dục; triển khai hệ thống họp, tập huấn qua mạng. Đến năm 2025, 100% trường học, cơ sở giáo dục ứng dụng CNTT trong quản lý, quản trị nhà trường (từ quản lý học sinh, sinh viên, giáo viên, cán bộ đến quá trình học tập, thời khóa biểu).

- Tạo nhiều kênh giao tiếp giữa gia đình, nhà trường giúp phụ huynh theo dõi nắm bắt kịp thời các thông tin, giáo viên kịp thời biết được các phản hồi, ý kiến, đưa hệ thống, nền tảng công nghệ vào giáo dục giúp cho gia đình theo dõi được khả năng học tập, kết quả học tập và các thông tin khác để phối hợp.

5.4. Chuyển đổi số trong du lịch

- Thực hiện số hóa toàn bộ dữ liệu các thông tin số và xây dựng các hệ thống thông tin về điểm du lịch, cơ sở dịch vụ và khách du lịch để chuyển tải thông tin tốt nhất đến khách du lịch.

- Kết nối liên thông CSDL về du lịch của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trên Trung tâm điều hành thông minh huyện.

- Phát triển các ứng dụng trên thiết bị di động cung cấp cho khách du lịch trong đó có các thông tin về điểm đến, sản phẩm dịch vụ du lịch, thuyết minh du lịch tự động qua thiết bị di động thông minh.

- Phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông triển khai và lắp đặt hệ thống Internet không dây (Wifi) miễn phí tại các công viên trên địa bàn và tại các điểm du lịch, cơ sở dịch vụ,...

- Đẩy mạnh các dịch vụ thanh toán trực tuyến (qua ví, thẻ ngân hàng trực tuyến, QR Code...) ở tất cả các điểm đến du lịch trên địa bàn.

- Xây dựng hệ thống giám sát an ninh, an toàn thông minh từ xa, đảm bảo hỗ trợ khách du lịch 24/7 trong mọi trường hợp cần sự trợ giúp, khẩn cấp.

5.5. Chuyển đổi số trong nông nghiệp

- Xây dựng mô hình chuyển đổi số nhằm phát triển nông nghiệp công nghệ cao hướng chú trọng nông nghiệp thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu, tăng tỷ trọng của nông nghiệp công nghệ số trong nền kinh tế.

- Ứng dụng công nghệ số để tự động hóa các quy trình sản xuất, kinh doanh; quản lý, giám sát nguồn gốc, chuỗi cung ứng sản phẩm, bảo đảm nhanh chóng, minh bạch, chính xác, an toàn, vệ sinh thực phẩm.

- Từng bước thực hiện chuyển đổi số nông nghiệp phải dựa trên nền tảng dữ liệu. Tập trung xây dựng các hệ thống dữ liệu lớn của ngành như về đất đai, quản lý bảo vệ rừng, tưới tiêu, cây trồng, vật nuôi. Thúc đẩy cung cấp thông tin về môi trường, thời tiết, chất lượng đất đai để người nông dân nâng cao năng suất và chất lượng cây trồng hỗ trợ chia sẻ các thiết bị nông nghiệp qua các nền tảng số.

- Thử nghiệm sáng kiến “Mỗi nông dân là một thương nhân, mỗi hợp tác xã là một doanh nghiệp ứng dụng công nghệ số” với mục tiêu mỗi người nông dân được định hướng, đào tạo ứng dụng công nghệ số trong sản xuất, cung cấp, phân phối, dự báo (giá, thời vụ...) nông sản, đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử.

- Thực hiện chuyển đổi số mạnh mẽ trong công tác quản lý để có các chính sách, điều hành kịp thời phát triển nông nghiệp như dự báo, cảnh báo thị trường, quản lý quy hoạch.

- Triển khai ứng dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm đối với các sản phẩm OCOP, sản phẩm nông nghiệp đặc sản, những sản phẩm đã ứng dụng các quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP.

5.6. Chuyển đổi số lĩnh vực môi trường

- Nội dung ưu tiên thực hiện khi chuyển đổi số trong lĩnh vực môi trường là xây dựng các phiên bản số về trạng thái ô nhiễm và ảnh hưởng xấu lên môi trường để từ đó lựa chọn các giải pháp xử lý phù hợp trên nguyên tắc tương tác đa chiều như xét rác thải cùng ngập nước, ô nhiễm không khí và nguồn gốc phát thải.

- Triển khai hệ thống giám sát thu gom rác thải thời gian thực; Mở rộng mạng lưới quan trắc chất lượng môi trường, tạo ra các bản đồ số diễn biến ô nhiễm môi trường không khí, nước,... đáp ứng thời gian thực trên địa bàn huyện.

- Xây dựng ứng dụng phân tích và dự báo về môi trường thời gian thực, các hệ thống giám sát liên tục phục vụ cho các bãi rác, lò xử lý rác thải; Xây dựng hệ thống tính toán dữ liệu quy hoạch môi trường cho phát triển bền vững. Mục tiêu lâu dài là chuyển đổi số để bảo vệ môi trường bền vững.

5.7. Chuyển đổi số trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp

Công nghiệp của huyện đã và đang phát triển với nhiều dự án lớn đã đóng góp một phần đáng kể vào sự phát triển. Chính vì vậy việc chuyển đổi số trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp trong thời gian tới là rất cần thiết; theo hướng chú trọng phát triển các trụ cột: xây dựng chiến lược và cơ cấu tổ chức thông minh, xây dựng nhà máy thông minh, vận hành thông minh, tạo ra các sản phẩm thông minh, xây dựng dịch vụ về dữ liệu và phát triển kỹ năng số cho người lao động.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện bao gồm: ngân sách nhà nước; nguồn đầu tư của doanh nghiệp, khu vực tư nhân, cộng đồng và các nguồn kinh phí hợp pháp khác. Các cơ quan, đơn vị căn cứ nhiệm vụ được giao ưu tiên nguồn lực để thực hiện các hoạt động chuyển đổi số.

2. Ưu tiên và đảm bảo nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước để phục vụ các hoạt động hỗ trợ chuyển đổi nhận thức; xây dựng nền tảng số quản lý, vận hành, khai thác Chính quyền số; bảo đảm an toàn an ninh mạng.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Văn hóa và Thông tin

- Tham mưu UBND huyện xây dựng và ban hành các văn bản, các quy định đối với các hoạt động chuyển đổi số trên địa bàn huyện Xuân Lộc; hướng dẫn, đôn đốc, tổng hợp báo cáo việc triển khai thực hiện kế hoạch.

- Theo dõi, tổng hợp tình hình triển khai của các cơ quan, đơn vị và UBND xã, thị trấn; nắm bắt các khó khăn, vướng mắc, phối hợp đề xuất phương án giải quyết báo cáo UBND huyện xem xét, quyết định.

- Tham mưu tổ chức đào tạo, tập huấn về chuyển đổi số cho cán bộ công chức, viên chức trên địa bàn huyện.

- Phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng dự toán kinh phí triển khai thực hiện các dự án, nhiệm vụ về chuyển đổi số hàng năm của huyện.

2. Phòng Tài chính - Kế hoạch

Tổng hợp, thẩm định dự toán kinh phí để tham mưu UBND huyện cân đối ngân sách, bổ sung kinh phí cho các cơ quan, đơn vị thực hiện và hướng dẫn thanh quyết toán theo quy định.

3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn.

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, các đơn vị, địa phương xây dựng kế hoạch triển khai các nội dung thuộc lĩnh vực quản lý; có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị khác trong việc thực hiện các dự án liên ngành, các dự án về nền tảng công nghệ dùng chung, đảm bảo tính đồng bộ, kết nối, và chia sẻ dữ liệu.

- Phối hợp với Phòng Văn hóa và Thông tin và các đơn vị liên quan trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý nhà nước, trong ứng dụng chuyên ngành nhằm nâng cao hiệu quả công tác và thiết lập, cung cấp các dịch vụ công trực tuyến thuộc phạm vi quản lý.

- Lập danh mục nhiệm vụ, dự án chuyển đổi số cần ưu tiên triển khai hàng năm và trình UBND huyện phê duyệt; khuyến khích thực hiện các đề tài nghiên cứu, sáng kiến kinh nghiệm về chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan nhà nước và phục vụ người dân, doanh nghiệp.

- Nâng cao công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành việc ứng dụng công nghệ thông tin, yêu cầu cán bộ công chức của cơ quan, đơn vị tăng cường việc ứng

dụng công nghệ thông tin và đảm bảo an toàn an ninh thông tin trong công việc của đơn vị theo quy định.

- Định kỳ hàng quý báo cáo UBND huyện (thông qua Phòng Văn hóa và Thông tin) để tổng hợp, tham mưu báo cáo UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông.

Trên đây là Chương trình chuyển đổi số trên địa bàn huyện Xuân Lộc đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, đề nghị các đơn vị tổ chức triển khai thực hiện. / *SV*

Nơi nhận:

- UBND tỉnh Đồng Nai;
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- TT. Huyện ủy;
- TT. HĐND huyện;
- CT, PCT. UBND huyện;
- Các cơ quan, đơn vị huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Chánh, Phó VP;
- Lưu: VT, TH (VX). *SV*

KT CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



SV

Huỳnh Thị Lành